

**CÔNG TY TNHH KHẢO SÁT XÂY
DỰNG MINH ANH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/Minh Anh
Vv: Công bố công khai năng lực hoạt động thí
nghiệm chuyên ngành XD

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây Dựng;
- Căn cứ nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây Dựng;
- Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của Công ty TNHH khảo sát xây dựng Minh Anh.

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng công bố:

Tên công ty bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KHẢO SÁT XÂY DỰNG MINH ANH.
Tên công ty bằng tiếng nước ngoài: MINH ANH CONSTRUCTION SURVEY COMPANY LIMITED
Tên công ty viết tắt: MINH ANH CONSTRUCTION SURVEY COMPANY LIMITED

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107971332 do phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 08 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 13 tháng 08 năm 2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: *Thôn Phương Nhị, Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.*
- Địa chỉ trụ sở chính sau sát nhập phường: *Thôn Phương Nhị, Xã Ngọc Hồi, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.*
- Địa chỉ địa điểm kinh doanh: *Số 1 Ngách 2 ngõ 397 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.*
- MST: 0107971332
- Điện thoại: 0986386659 - Email: minhanh.lasxd676@gmail.com
- Giám đốc: Đỗ Văn Tuyền

2. Thông tin phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

**PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
CÔNG TRÌNH**

- Địa chỉ: *Số 1 Ngách 2 ngõ 397 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.*

1- Điện thoại: 0986386659 - Website: quantracminhanh.com
Email: minhanh.lasxd676@gmail.com

3. Mã số phòng thí nghiệm được cấp: LAS-XD 24.126
4. Mã số phòng thí nghiệm lần đầu được cấp: LAS-XD1873. Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 1385/GCN-BXD ngày 19/11/2019, Giấy chứng nhận bổ sung số 143/GCN-BXD ngày 15/07/2021; Giấy chứng nhận bổ sung số 05/GCN-SXD (GDCL) ngày 23/01/2025 (mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 24.126).
5. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (*Danh mục kèm theo quyết định này*).
6. Danh mục thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (*Danh mục kèm theo quyết định này*).
7. Danh mục nhân sự để quản lý và thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (*Danh mục kèm theo quyết định này*).

2- Tất cả nội dung của quyết định này được công bố công khai tại Website:
<https://www.quantracminhanh.com/>

Công ty TNHH khảo sát xây dựng Minh Anh cam kết thông tin công bố công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố.

- Nơi nhận:
- Web: <https://www.quantracminhanh.com/>
 - Sở xây dựng thành phố Hà Nội
 - Lưu VP.

**CÔNG TY TNHH KHẢO SÁT XÂY DỰNG
MINH ANH**



GIÁM ĐỐC
Đỗ Văn Tuyên

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM**LAS-XD 24.126**

(Kèm theo quyết định số 01/ Minh Anh ngày 28 tháng 03 năm 2026)

STT	TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I		THỬ NGHIỆM XI MĂNG, CLANHKE	
	1	Xác định độ bền uốn, Xác định cường độ nén	TCVN 6016:2011
	2	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, Xác định thời gian đông kết, Xác định độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
	3	Xác định hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng	TCVN 8876:2012
	4	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 6016:2011
II		THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	5	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136
	6	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C127, C128
	7	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127
	8	Xác định độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
	9	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C566
	10	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C117
	11	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
	12	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
	13	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
	14	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006 ASTM C131, C535;

			AASHTO T96
	15	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
	16	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006
	17	Cát nghiền cho bê tông và vữa: Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 75µm	TCVN 9205:2012
III		THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG	
	18	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3106:2022; AASHTO T119
	19	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; ASTM C138
	20	Xác định độ tách vữa và độ tách	TCVN 3109:2022;
	21	Phương pháp phân tích thành phần	TCVN 3110:1993;
	22	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:93; ASTM C173, C39; AASHTO T152, T121
	23	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022; ASTM C642
	24	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642
	25	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022; ASTM C138, C642
	26	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022; ASTM C1585
	27	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022; ASTM C39, C42; AASHTO T22, T140
	28	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C293, C78
	29	Xác định cường độ kéo khi bẻ	TCVN 3120:2022
IV		THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM BÊ TÔNG NHẸ	
	30	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, Xác định kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt, Xác định cường độ nén. Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích khô, Xác định độ hút nước	TCVN 9030:2017
	31	Tẩm tường bê tông khi chung áp cốt thép: Xác định khối lượng thể tích, Xác định cường độ chịu nén	TCVN 12868:2020
V		THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
	32	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022

33	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đã đông rắn	TCVN 3121-10:2022
34	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022; ASTM C349, C942
35	Xác định độ hút nước mẫu vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
36	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012; ASTM D854
37	Xác định độ ẩm và hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216
38	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; ASTM D 4318; AASHTO T89; AASHTO T90
39	Xác định các thành phần cơ hạt	TCVN 4198:2014; AASHTO T88, T27
40	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; ASTM D1557, D698
41	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012; ASTM D2435, D2937; AASHTO T216
42	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012; AASHTO T49; ASTM D2434
43	Đàn nén Proctor	TCVN 12790:2020
44	Xác định tỷ số CBR	TCVN 12792:2020; ASTM D1883; AASHTO T193
VII	THỬ NGHIỆM KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HẠN	
45	Vật liệu kim loại - Thử kéo	TCVN 197-1:2014; ASTM A370, B557; AASHTO T68; JIS Z2241
46	Vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 198:2008; ASTM A370
47	Vật liệu kim loại - Ống - Thử kéo	TCVN 314:2008
48	Vật liệu kim loại - Ống (Mặt cắt ngang nguyên)- Thử uốn	TCVN 5891:2008
49	Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực - Thanh dảnh và dây dùm làm cốt : Thử kéo	TCVN 7937-1:2013

	50	Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực – Lưới hàn ; Thử kéo	TCVN 7937-2:2013
	51	Thử phá huỷ mối hàn vật liệu kim loại – Thử uốn	TCVN 5401:2010
	52	Thử phá huỷ mối hàn trên vật liệu kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
	53	Thử phá huỷ mối hàn trên vật liệu kim loại – Thử kéo dọc kim loại mối hàn trên mối hàn nóng chảy	TCVN 8311 : 2010
	54	Bu lông, đai ốc : Kiểm tra dạng ngoài, Kiểm tra khuyết tật bề mặt, Kiểm tra kích thước, Thử kéo	TCVN 1916:1995
	55	Thử nghiệm kéo nhỏ tại hiện trường	ASTM E1512
VIII		THỬ NGHIỆM GẠCH XÂY	
	56	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan.	TCVN 6355-1:2009
	57	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
	58	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
	59	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
	60	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
	61	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
	62	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009;
IX		THỬ NGHIỆM NGÓI ĐÁT SÉT NUNG	
	63	Xác định kích thước, Xác định lực uốn gãy, Xác định độ thấm nước, Xác định độ hút nước và khối lượng một mét vuông ở trạng thái bão hòa nước	TCVN 4313:2023
X		THỬ NGHIỆM GẠCH GÓM ÓP, LÁT	
	64	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016
	65	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:2016
	66	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2016
	67	Xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2016
	68	Xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2016
XI		THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
	69	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, Xác định cường độ nén, Xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999; ASTM C140; ASTM C936

XII		THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG	
	70	Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, Xác định độ rỗng, Xác định cường độ chịu nén, Xác định độ thấm nước, Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016
XIII		THỬ NGHIỆM GẠCH TEZZARRO	
	71	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch thước, Xác định độ hút nước bề mặt, Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:2013
XIV		THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN	
	72	Xác định độ hút nước, khối lượng thể tích, Xác định độ bền uốn, Xác định độ chịu mài mòn bề mặt	TCVN 4732:2016
XV		THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP, LẤP NHÂN TẠO	
	73	Xác định: độ hút nước, Xác định lực uốn gãy và độ bền uốn, Xác định độ bền mài mòn sâu, Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 8057:2009
XVI		THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA NHIỆT ĐẸO	
	74	Ống nhựa nhiệt dẻo: Xác định độ bền va đập bên ngoài	TCVN 6144:2003
	75	Ống nhựa nhiệt dẻo – Xác định kích thước (Chiều dày thành, Đường kính, Đường kính ngoài trung bình, Đường kính trong trung bình, Độ ôvan, Chiều dài ống)	TCVN 6145:2007
	76	Ống nhựa nhiệt dẻo – Sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6148:2007
	77	Ống, phụ tùng và hệ thống phụ tùng bằng nhựa nhiệt dẻo dùng để vận chuyển chất lỏng: Xác định độ bền với áp suất bên trong	TCVN 6149-1:2007
	78	Ống nhựa nhiệt dẻo: Xác định độ bền kéo	TCVN 7434-1:2020
	79	Ống nhựa PVC-U, PP và PE dùng cho hệ thống thoát nước và nước thải chôn ngầm không chịu áp: Kích thước, Độ bền va đập, Độ bền với áp suất bên trong	TCVN 11821-1:2017; TCVN 11821-2:2017; TCVN 11821-3:2017
XVII		THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM	
	80	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
	81	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005; ASTM D113
	82	Xác định điểm hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D92
	83	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005
	84	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005; ASTM D6
	85	Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene và N-Propyl Bromide	TCVN 7500:2023
	86	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005 ASTM D70

	87	Xác định hàm lượng paraffin	TCVN 7503:2005
	88	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
XVIII		THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG LÔNG	
	89	Thử nghiệm xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011
XIX		THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
	90	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; ASTM D6927
	91	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011; AASHTO T164
	92	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
	93	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; ASTM D2041
	94	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
	95	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
	96	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
	97	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
	98	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
	99	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
	100	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
	101	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
		THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
	102	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006
	103	Đất xây dựng công trình thủy lợi: Phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất	TCVN 8729 :2012
	104	Áo đường mềm – Xác định mô đun đàn hồi của nền đất bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; ASTM D4695; AASHTO T256
	105	Mặt đường ô tô – Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0m	TCVN 8864:2011; ASTM E950, E1082
	106	Mặt đường ô tô – Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát – Thử nghiệm	TCVN 8866:2011; ASTM E965
	107	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Ben kelman	TCVN 8867:2011; ASTM D4695 ; AASHTO T256

108	Ổng bê tông cốt thép thoát nước: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, Kiểm tra kích thước và độ vuông góc, Kiểm tra khả năng chịu tải, Kiểm tra độ thấm nước của ống cống	TCVN 9113: 2012
109	Cống hộp bê tông cốt thép: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, Kiểm tra kích thước và độ sai lệch kích thước, Kiểm tra khả năng chống thấm nước, Kiểm tra khả năng chịu tải của đốt cống	TCVN 9116: 2012
110	Bê tông nặng – Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335: 2012
111	Đất xây dựng – Xác định mô đun biến dạng của đất tại hiện trường bằng tấm nét thẳng	TCVN 9354: 2012; ASTM D4395
112	Kết cấu bê tông cốt thép – Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356: 2012
113	Đo kiểm tra điện trở nổi đất, chống sét	TCVN 9385: 2012
114	Cọc – Thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393: 2012; ASTM D1143, D3689
115	Cọc khoan nhồi – Xác định tính đồng nhất của bê tông – Phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396: 2012
116	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020
117	Bê tông – Phương pháp siêu âm xác định cường độ chịu nén	TCVN 13536:2022
118	Bê tông – Phương pháp siêu âm xác định khuyết tật	TCVN 13537:2012
XXI	THỬ NGHIỆM BỘT KHOÁNG	
119	Xác định thành phần hạt, Xác định độ ẩm, Xác định hệ số thích nước	TCVN 12884 – 2 : 2020
XXII	THỬ NGHIỆM SƠN VÀ VECNI	
120	Xác định độ mịn	TCVN 2091: 2015
121	Xác định thời gian chảy bằng phễu chảy	TCVN 2092:2013
122	Xác định trạng thái khô hoàn toàn và thời gian khô hoàn toàn	TCVN 2096: 2015
123	Xác định độ bền của lớp sơn – phép thử cắt ô	TCVN 2097: 2015
124	So sánh trực quan màu sắc	TCVN 2102:2020
125	Sơn tường dạng nhũ tương:- Xác định độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn	TCVN 8653-1:2024
126	Sơn tường dạng nhũ tương:- Xác định độ bền nước của màng sơn	TCVN 8653-2:2024
127	Xác định khối lượng riêng	TCVN 10237-1:2013
XXIII	BỘT BẢ TƯỜNG GÓC XI MĂNG PÓC LĂNG	

	128	Xác định độ mịn, Xác định thời gian đông kết	TCVN 7239:2014
XXIV		THỬ NGHIỆM TẮM THẠCH CAO	
	129	Xác định cường độ chịu uốn	TCVN 8257-3:2023
	130	Xác định độ biến dạng ẩm	TCVN 8257-5:2023
	131	Xác định độ hút nước	TCVN 8257-6:2023
XXV		THỬ NGHIỆM PHỤ GIA KHOÁNG HOẠT TÍNH CAO DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	132	Xác định độ mịn	TCVN 8827:2011 (Phụ lục A)
XXVI		THỬ NGHIỆM KÍNH XÂY DỰNG	
	133	Kính dán an toàn nhiều lớp: Phương pháp thử độ bền va đập	TCVN 7368:2013
	134	Kính phẳng tối nhiệt: Kiểm tra độ bền va đập, Kiểm tra phá vỡ mẫu	TCVN 7455:2013
XXVII		THỬ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT,	
	135	Xác định độ dày danh định	TCVN 8220:2009
	136	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009
	137	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:2010
	138	Xác định lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật	TCVN 8871-1:2011
	139	Xác định lực kháng xuyên thùng thanh	TCVN 8871-4:2011; ASTM D4833
	140s	Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:2011
	141	Xác định cường độ chịu kéo của mối nối	TCVN 9138:12
XXVIII		THỬ NGHIỆM GỖ TỰ NHIÊN, GỖ NHÂN TẠO	
	142	Ván trang trí composite gỗ nhựa. Xác định kích thước và sai số. Xác định độ ẩm, Xác định trương nở chiều dày khu hút nước	TCVN 11353:2016
	143	Gỗ tự nhiên - Xác định độ ẩm cho các phép thử cơ lý	TCVN 13707-1:2023
	144	Gỗ tự nhiên - Xác định khối lượng riêng cho các phép thử vật lý và cơ học	TCVN 13707-2:2023
	145	Gỗ tự nhiên - Xác định độ bền uốn tĩnh	TCVN 13707-3:2023
	146	Gỗ tự nhiên - Xác định độ bền khi nén vuông góc với thớ	TCVN 13707-5:2023
	147	Ggoux tự nhiên - Xác định độ bền khi kéo vuông góc với thớ	TCVN 13707-7:2023

XXIX	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU BENTONITE	
	148 Xác định khối lượng riêng, Xác định độ ổn định, Xác định độ PH, Xác định lực cắt tĩnh, Xác định hàm lượng cát, Xác định độ dày áo sét, Xác định lượng tách nước, Xác định tỷ lệ keo (độ trương nở)	TCVN 11893:2017

112	Thiết bị đo hàm lượng Parafin trong nhựa đường Model: WSY-10	Chiếc	1	Tốt
113	Tủ sấy chân không (Phục vụ cho Máy xác định hàm lượng Paraffin trong nhựa đường) Model DZF-6020	Chiếc	1	Tốt
114	Thiết bị xác định độ nhớt Saybolt của nhựa Bitum Model: 0623	Chiếc	1	Tốt
115	Thiết bị chung cất mẫu (Water Content Tester) Model: SYD-260	Chiếc	1	Tốt
116	Thiết bị xác định độ nhớt tuyệt đối của nhựa đường lỏng Model: SDY-0620B	Chiếc	1	Tốt
117	Thiết bị đo độ dày lớp phủ sơn (lớp mạ) trên nền PE và NFE model: MC996	Chiếc	1	Tốt
118	Thiết bị thử độ bám dính hiển thị số Model: LR-6000C	Chiếc	1	Tốt
119	Máy đo thời gian khô của màng sơn Model: BGD261	Chiếc	1	Tốt
120	Thiết bị thử độ bền va đập, độ cứng vòng của ống nhựa	Chiếc	1	Tốt
121	Dụng cụ đo lực cắt tĩnh của dung dịch Bentonite - Thước đo chia vạch cường độ gel tính bằng pound/100 feet vuông. - Bộ bao gồm hai ống cắt rỗng 89 x 36 mm, cốc mẫu với thước đo gắn ở tâm đáy cốc, 5-gram. - Kích thước: 100 x 100 x 220 (mm) - Khối lượng: khoảng 0,3 kg - Hộp đựng chống va đập	Bộ	1	Tốt
122	Dụng cụ COBB (xác định độ hút nước bề mặt thạch cao theo TCVN 8257-7:2009) - Bộ đế gá. - Vòng COBB (DxH) : 11,28 x 2,5 cm - Tấm đệm cao su	Bộ	1	Tốt
123	Tủ dưỡng hệ mẫu xi măng Model: SHBY-40 (HBY-40)	Chiếc	1	Tốt
124	Thiết bị đo lượng mất nước và độ dày áo sét sau 30 phút Cung cấp bao gồm: - Giá đỡ - Đồng hồ đo áp lực - Bộ phận chứa và nén Bentonite - Ống đo bằng thủy tinh - Tầng đỡ	Chiếc	1	Tốt
125	Thiết bị xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phương pháp sàng khô (Máy lắc có chức năng sàng kết hợp cơ cấu đập) Model: JPS-200	Chiếc	1	Tốt
126	Thiết bị kiểm tra độ thấm của gạch Block Bao gồm 3 kích thước 390x170x130; 170x130x60; 200x95x60 (không kèm thùng chứa nước)	Chiếc	1	Tốt
127	Thiết bị kiểm tra độ dày của vải địa kỹ thuật.	Chiếc	1	Tốt
128	Thiết bị thử áp lực kháng bụi của Vải địa	Chiếc	1	Tốt
129	Bộ kích thủy lực dùng để nhổ neo thép trong bê tông 30 tấn	Bộ	1	Tốt
130	Lò nung	Chiếc	1	Tốt
131	Bê điều nhiệt	Chiếc	1	Tốt

132	Cân điện tử 30g x 1g Model: ALC-30	Chiếc	1	Tốt
133	Tủ sấy Model: 101	Chiếc	1	Tốt
134	Thiết bị đo điện trở cách điện SEW 6211A IN (10KV, 0-500GΩ) Hãng sản xuất: SEW	Chiếc	1	Tốt
135	Bộ dụng cụ đo độ nhớt của sơn Model: 124/1	Bộ	1	Tốt
136	Bộ đo E bằng tấm ép cứng	Bộ	1	Tốt
137	Thiết bị thử co ngót cho vữa xi măng	Chiếc	1	Tốt
138	Bộ đo thiết bị ghi đo chuyển vị ngang Digital Inclinometer	Bộ	1	Tốt
139	Máy toàn đặc điện tử	Chiếc	1	Tốt
140	Máy thủy bình	Chiếc	2	Tốt
II	Thiết bị chế bị mẫu, thiết bị dùng chung và phụ trợ khác			Tốt
1	Khuôn đúc mẫu bê tông thấm D150xH150, bằng nhựa	Chiếc	30	Tốt
2	Bàn rung mẫu Bê tông 800x800mm Phù hợp với TCVN, ASTM, AASHTO Kích thước 800x800mm; Biên độ (không có tải): 0.3-0.6mm; Tần số rung: 2860r/min; Điện áp: 220v 50Hz 1.0kw	Bộ	1	Tốt
3	Khuôn bê tông lập phương 150mm, bằng nhựa	Chiếc	30	Tốt
4	Khuôn đúc mẫu bê tông hình trụ D150xH300mm	Chiếc	30	Tốt
5	Thùng hấp mẫu xi măng Model: FZ-31A Dung tích: 31 lít; Công suất: 1.5KW; Trọng lượng: 20kg	Chiếc	1	Tốt
6	Bàn dẫn vữa xi măng	Chiếc	1	Tốt
7	Khuôn 40x40x160 kép 3, bằng nhựa	Chiếc	30	Tốt
8	Phễu xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa xi măng, kèm bình tam giác 1000ml	Chiếc	5	Tốt
9	Khuôn Le Chatelier	Chiếc	20	Tốt
10	Phễu xác định độ chảy của vữa Phù hợp tiêu chuẩn: ASTM C939	Chiếc	5	Tốt
11	Khuôn đúc mẫu co ngót (Loại kép 3) Kích thước: 25,4x25,4x285mm	Chiếc	20	Tốt
12	Bảng màu chuẩn	Chiếc		Tốt
13	Dụng cụ hấp phụ nước của cát (Bộ côn chày hấp phụ nước của cát)	Bộ	1	Tốt
14	Bộ chia mẫu 1/2", kèm 2 khay hứng mẫu	Bộ	1	Tốt
15	Bộ chia mẫu 1", kèm 2 khay hứng mẫu	Bộ	1	Tốt
16	Bộ chia mẫu 2", kèm 2 khay hứng mẫu	Bộ	1	Tốt

17	Thước đo hạt dài dẹt, tỷ lệ 1:3	Bộ	3	Tốt
18	Bảng màu chuẩn	Chiếc	2	Tốt
19	Cối Proctor tiêu chuẩn	Chiếc	1	Tốt
20	Chày Proctor tiêu chuẩn	Chiếc	1	Tốt
21	Cối Proctor cải tiến	Chiếc	1	Tốt
22	Chày Proctor cải tiến	Chiếc	1	Tốt
23	Thân khuôn marshall	Chiếc	1	Tốt
24	Cổ khuôn marshall	Chiếc	1	Tốt
25	Đế khuôn marshall	Chiếc	1	Tốt
25	Ngâm kẹp kéo đứt dùng cho vải địa kỹ thuật không dệt, bề rộng mẫu 200mm	Chiếc	1	Tốt
27	Ngâm kẹp xác định cường độ kéo giật vải địa kỹ thuật VN	Chiếc	1	Tốt
28	Côn thử độ sụt bê tông	Chiếc	1	Tốt
29	Mũi khoan kim cương D101	Chiếc	3	Tốt
30	Lưỡi khoan kim cương D101	Chiếc	3	Tốt
31	Nhớt ké VEBE Model: VBR-1	Chiếc	1	Tốt
32	Sàng D300mm	Bộ	3	Tốt
33	Bình khối lượng riêng 250ml	Chiếc	1	Tốt
34	Khuôn lechaterlier	Chiếc	1	Tốt
35	Mũi khoan kim cương D101	Chiếc	1	Tốt
36	Lưỡi khoan kim cương D101	Chiếc	1	Tốt
37	Thùng chung mẫu Model: FZ-31A	Chiếc	1	Tốt
38	Gá thử nén xi măng	Chiếc	1	Tốt
39	Khuôn đúc mẫu xi măng	Chiếc	1	Tốt
40	Gá uốn mẫu gạch xây dựng	Chiếc	1	Tốt
41	Thùng xác định hàm lượng chung bùn bụi, set của cát	Chiếc	1	Tốt
42	Thùng xác định hàm lượng chung bùn bụi, set của đá	Chiếc	1	Tốt
43	Thùng đong 1-2-5-10-15-20 lít	Chiếc	1	Tốt
44	Xi lanh thử độ nén đập	Chiếc	1	Tốt
45	Côn thử cốt liệu	Chiếc	1	Tốt
46	Khuôn CBR	Chiếc	1	Tốt
47	Bộ đồng hồ so 10 x 0,01mm	Bộ	1	Tốt
48	Đĩa đệm tạo mẫu CBR	Chiếc	1	Tốt
49	Cối chày protor cải biên	Chiếc	1	Tốt

32-
TY
H
SÁ
JN
AN
Y

50	Cối chày protor tiêu chuẩn	Chiếc	1	Tốt
51	Bình khối lượng riêng 100ml	Chiếc	1	Tốt
52	Bộ giới hạn dẻo của đất	Chiếc	1	Tốt
53	Hộp nhôm thí nghiệm độ ẩm	Chiếc	1	Tốt
54	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	1	Tốt
55	Cối chày đồng	Chiếc	1	Tốt
56	Bình hút ẩm	Chiếc	1	Tốt
57	Ổng đong 100 – 250 – 500 – 1000 ml	Chiếc	5	Tốt
58	Dao vòng cắt đất	Chiếc	1	Tốt
59	Đảm tạo mẫu marshall bằng tay	Chiếc	1	Tốt
60	Bộ hút chân không	Bộ	1	Tốt
61	Bộ dao vòng lấy mẫu đất hiện trường	Bộ	1	Tốt
62	Phễu rót cát	Bộ	5	Tốt
63	Kích thủy lực 200 tấn	Chiếc	1	Tốt
64	Thước 3m	Bộ	1	Tốt
65	Nhiệt kế thủy tinh 0-100°C	Chiếc	1	Tốt
66	Tỷ trọng kế loại A	Chiếc	1	Tốt
67	Tỷ trọng kế loại B	Chiếc	1	Tốt
68	Bảng màu chuẩn	Chiếc	1	Tốt
69	Thước kẹp cải tiến	Bộ	1	Tốt
70	Thước vạch	Bộ	3	Tốt
71	Hộp thấm đất nam kinh Model TST-55	Chiếc	1	Tốt
72	Bình tỷ trọng nhựa 25ml	Chiếc	1	Tốt
73	Bộ gá uốn mẫu bê tông 2 điểm, tiêu chuẩn	Chiếc	1	Tốt
74	Gông từ AC kiểm tra khuyết tật kim loại Model: MP-A2	Chiếc	1	Tốt
75	Cân phân tích 510g x 0,001	Chiếc	1	Tốt
76	Bình tỷ trọng xi măng	Chiếc	1	Tốt
77	Súng bắn bê tông	Chiếc	1	Tốt
78	Cung lực 10KN	Chiếc	1	Tốt
79	Cung lực 50KN	Chiếc	1	Tốt
80	Máy trắc địa Leica TCR 402, TCRA1101plus	Chiếc	2	Tốt
81	Máy thủy bình DNA03	Chiếc	3	Tốt
82	Máy đo chuyển vị Inclometer	Chiếc	2	Tốt

83	Máy đo nghiêng Tilmeter	Chiếc	2	Tốt
III	Thiết bị phục vụ công tác văn phòng			
1	Máy tính để bàn, có phần mềm xử lý số liệu	Chiếc	3	Tốt
2	Máy tính xách tay	Chiếc	5	Tốt
4	Máy photo	Chiếc	2	Tốt
4	Điện thoại	Chiếc	2	Tốt
5	Máy in	Chiếc	3	Tốt
IV	Phương tiện vận tải			
1	Xe bán tải	Chiếc	1	Tốt